



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 209 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 19/06/2023
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 19B09/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/06/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,19
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,27
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	18,79
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ= 4,92
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	67
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,08
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,60
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,04
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,87
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

RHÔ TÔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CẤP THOÁT NƯỚC
 PHÚ YÊN
 T.P. TUY HOÀ - T. PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú: Nguyễn Tấn Thuận

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 210 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 19/06/2023
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Hộ dân khu vực Cảng Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 20M₁09/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/06/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,13
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,31
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,06
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	17,78
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ= 4,92
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	65
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,17
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,65
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,62
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

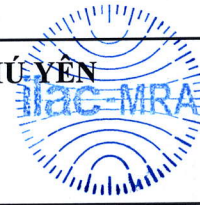


Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú: Nguyễn Tân Thuận

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 211 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 19/06/2023
 Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Bãi Ngà - NMN Vũng Rô
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 21M₂09/23
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/06/2023
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,27
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,27
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,48
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	17,78
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ= 4,92
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	72
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,24
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,40
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,65
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,30
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Nguyễn Tôn Thuận

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT **BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Nguyễn Văn Phong
Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
 - (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
 - LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử